CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 101 /2022/CV-TGĐ-BETA	TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

***Kính gửi*: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**

- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3914 2929 Fax: (028) 3914 3435
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Hoàng Thanh Bình**
- Địa chỉ thường trú: 269/1 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại di động:
- Điện thoại cơ quan: (028) 3914 2929 Ext:
- Fax: (028) 3914 3435
- Loại thông tin công bố:

☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:
Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BETA) công bố thông tin về Biên bản họp, Nghị quyết và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức vào ngày 20/06/2022
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/06/2022 tại đường dẫn https://www.bsi.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
Tổng Giám đốc

S.G.P: 67 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THANH BÌNH

BETA SECURITIES INC.

Số: 2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

- *Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần chứng khoán Beta;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 06 năm 2022.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2021 và Định hướng năm 2022.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch năm 2022.

Điều 4: Thông qua các văn kiện Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Điều 5: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021.

Điều 6: Thông qua Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty trong năm 2022.

Điều 7: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 8: Thông qua Tờ trình Đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch UPCOM

Điều 9: Thông qua Tờ trình ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 10: Trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết:

1. Đại hội đồng Cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua nêu trong Nghị quyết này.
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực thi nội dung Nghị quyết này trong các phiên họp thường niên kế tiếp.

Điều 11: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Chứng khoán Beta thông qua toàn văn bản tại cuộc họp ngày 20/06/2022 Hội đồng quản trị căn cứ trên Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:
- Cổ đông BETA;
- BKS, các TV HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu VP. HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

HUỲNH VĂN TỐT

BETA SECURITIES INC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2006/2022/BBH-ĐHĐCĐ-BETA

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA được tổ chức vào lúc 9:00 đến 11:30 ngày 20/06/2022 tại Grand Hotel Sài Gòn – Số 8 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

I. TÓM TẮT NỘI DUNG PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Ông **Huỳnh Văn Tốt** tiến hành nghi thức khai mạc gồm có: Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.

2. Bà **Trương Thị Ngọc Huyên** – Trưởng ban kiểm tra ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra danh sách Cổ đông tham dự Đại hội như sau:

   - Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ là **40.000.000** cổ phần
   - Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được mời dự Đại hội là **81** cổ đông, đại diện cho **40.000.000** cổ phần tương đương với số vốn điều lệ hiện hành là **400.000.000.000 (Bốn trăm tỷ)** đồng.
   - Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ là **11** người, đại diện cho **30.756.330** cổ phần, chiếm tỷ lệ **76,89%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Danh sách cổ đông dự họp được nêu tại Phụ lục kèm theo Biên bản.

   Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA đã đủ điều kiện tiến hành.

3. **Chủ tọa và thành viên đoàn Chủ tịch điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ gồm**:

   - Ông Huỳnh Văn Tốt
   - Ông Hoàng Thanh Bình
   - Ông Trần Thanh Khiết
   - Bà Đỗ Thị Thanh Hoa

   ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Chủ tọa và thành viên đoàn Chủ tịch cùng điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ nêu trên với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là **100%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết.

4. **Ban Thư ký Đại hội**

   - Ông Phan Hoàng Phong
   - Ông Trương Quang Nhàn

   ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Ban Thư ký ĐHĐCĐ nêu trên với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là **100%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết.

5. **Ban kiểm phiếu**

- Bà Trương Thị Ngọc Huyên
- Bà Liêu Ngọc Oanh

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu ĐHĐCĐ nêu trên với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là **100%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết.

6. **Thông qua nội dung, chương trình, Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ**

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua nội dung, chương trình, Quy chế tổ chức với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và biểu quyết.

7. **Trình bày các báo cáo và tờ trình về các vấn đề xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội:**

- Ông **Hoàng Thanh Bình** – Chức vụ: Tổng Giám đốc, trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022
- Ông **Trần Thanh Khiết** – Chức vụ: Phó trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2021 và Định hướng năm 2022.
- Ông **Huỳnh Văn Tốt** – Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị, trình bày:
  - Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch năm 2022.
  - Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
  - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
  - Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty trong năm 2022.
  - Tờ trình Đăng ký giao dịch chứng khoán trên Hệ thống giao dịch UPCOM
  - Tờ trình sửa đổi sửa đổi Điều lệ; bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
  - Tờ trình về các nội dung Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị.

8. ĐHĐCĐ thảo luận và phát biểu ý kiến

9. Công bố kết quả kiểm phiếu

10. Thông qua Biên bản họp ĐHĐCĐ

II. <u>CÁC VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT VÀ THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI</u>:

Tại thời điểm biểu quyết, tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội là **30.756.330** tương ứng với **76,89%** vốn điều lệ. Tổng số phiếu biểu quyết nhận lại được **30.756.330**, trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: **30.756.330**
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: **0**

Phương thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết tại Đại hội.

1. **Thông qua Báo cáo đánh giá kết quả kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022:**

- Số phiếu đồng ý: **30.706.330**, đạt **99,84%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **50.000**, đạt **0,16%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

2. **Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2021 và Định hướng năm 2022:**

- Số phiếu đồng ý: **30.756.330** , đạt **100,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

3. **Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch năm 2022:**

- Số phiếu đồng ý: **30.706.330,** đạt **99,84%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **50.000**, đạt **0,16%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

4. **Thông qua văn kiện Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán:**

- Số phiếu đồng ý: **30.756.330**, đạt **100,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0,** đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **0,** đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

5. **Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021**

- Số phiếu đồng ý: **30.686.330**, đạt **99,77%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0,** đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **70.000**, đạt **0,23%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

6. **Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty trong năm 2022**

- Số phiếu đồng ý: **30.706.330**, đạt **99,84%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **50.000**, đạt **0,16%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

7. **Thông qua Tờ trình phương án đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống UPCOM**

- Số phiếu đồng ý: **30.706.330**, đạt **99,84%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **50.000**, đạt **0,16%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

8. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- Số phiếu đồng ý: **30.756.330**, đạt **100,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

9. Thông qua Tờ trình ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông:

- Số phiếu đồng ý: **30.756.330**, đạt **100,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không đồng ý: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ
- Số phiếu không có ý kiến: **0**, đạt **0,00%** tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ

Kết quả: **Thông qua.**

III. Ý KIẾN PHÁT BIỂU ĐÓNG GÓP CỦA CỔ ĐÔNG:

1. Bùi Hữu Lộc – SL 450.000 cổ phần

Đã đầu tư vào công ty hơn 10 năm nhưng không có lợi ích cho cổ đông vì không nhận được tiền cổ tức.

Đề nghị nêu chi tiết kế hoạch lên sàn năm 2022 với thời gian cụ thể dự kiến ra sao

2. Lê Hữu Từ – SL 20.000 cổ phần

Khó tăng vốn điều lệ vì hơn 10 năm công ty không chia trả cổ tức

Tại sao không lên sàn niêm yết mà lại chọn Upcom.

Đặt chỉ tiêu chia cổ tức cho năm 2022.

Vì số lượng cổ đông tham gia không đông nên Công ty cân nhắc tiết kiệm chi phí khi tổ chức ĐHĐCĐ không cần thuê hội trường rộng.

3. Trả lời Ban chủ tọa:

Ông Hoàng Thanh Bình đại diện Đoàn chủ tọa trả lời:

Về chính sách cổ tức: Trong quá khứ, công ty Beta đã từng chi trả cổ tức nhưng có thể tỷ lệ chi cổ tức chưa được như kỳ vọng của cổ đông. Năm 2021 vừa qua, mặc dù lợi nhuận kế toán sau thuế là hơn 10% vốn điều lệ nhưng lợi nhuận thực hiện chỉ khoảng 1,7% vốn điều lệ. Trong năm 2022, công ty sẽ cố gắng phát triển hoạt động kinh doanh và hiện thực hóa lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông.

Về niêm yết trực tiếp trên sàn niêm yết:

Hiện tại, BETA chưa đủ điều kiện là công ty đại chúng cũng như điều kiện theo quy định của UBCK để niêm yết trên HSX và HNX nên cần phải theo lộ trình thực hiện từng bước: thực hiện chào bán cổ phần, tăng số lượng cổ đông để đủ điều kiện đăng ký công ty đại chúng và đăng ký thủ tục niêm yết trên sàn UPCOM

Trong khoảng thời gian niêm yết tối thiểu 2 năm trên sàn UPCOM, ngoài việc tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, đảm bảo lợi ích cho cổ đông, công ty Beta tập trung hoàn thiện bộ máy và quản trị công ty theo quy chế quy định đối với công ty đại chúng và sẽ niêm yết HSX hoặc HNX khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

Về chỉ tiêu cổ tức 2022:

Thời gian qua, Ban điều hành tập trung đầu tư xây dựng, phát triển bộ phận phân tích và bộ phận đầu tư theo chiều sâu để nhằm mục đích doanh thu từ mảng tự doanh, cũng như đẩy mạnh hoạt động margin để tăng doanh thu margin.

Ban điều hành đặt kế hoạch lợi nhuận kế toán trước thuế là 12,9 tỷ đồng, sẽ cố gắng đạt mức lợi nhuận thực hiện tương đương với số này và trình đại hội để thông qua tỷ lệ chi cổ tức ở mức tối thiểu là 3%.

Về tổ chức ĐHĐCĐ 2022:

Ban điều hành công ty Beta luôn ý thức và chỉ đạo các bộ phận về việc tiết giảm chi phí hoạt động kinh doanh. Về địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công ty đã lựa chọn địa điểm ở mức hợp lý về mặt chi phí, đảm bảo đáp ứng số lượng cổ đông tham dự và thể hiện sự tươm tất, trang trọng đối với các cổ đông của công ty.

IV. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022:

Ban Thư ký thông qua nội dung Nghị quyết tại Đại hội.

V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022:

Ông Huỳnh Văn Tốt – Thay mặt Đoàn Chủ tọa phát biểu cảm ơn toàn thể cổ đông và tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 gồm 05 trang và đã được thông qua tại Đại hội.

TM. BAN THƯ KÝ	TM. CHỦ TỌA ĐOÀN
PHAN HOÀNG PHONG	HUỲNH VĂN TỐT

BETA SECURITIES INC.

Số: 2605/2022/BC-TGĐ-BETA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BETA) trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021:

1. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM:

Trong năm 2021, đại dịch Covid-19 đã thay đổi cục diện kinh tế toàn cầu. Kinh tế Việt Nam vốn chủ yếu tập trung ở năng lực sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và có tỷ lệ dịch vụ tương đối thấp nên ít bị ảnh hưởng hơn so với các nước có nền kinh tế dịch vụ và phụ thuộc vào hàng hóa nhập khẩu thiết yếu.

Với các chỉ số kinh tế vĩ mô vẫn giữ được tăng trưởng, Việt Nam được xem là điểm sáng, đã chứng minh được năng lực kiểm soát đại dịch và được thế giới công nhận là một Chính phủ có năng lực điều hành và nền kinh tế có sức chống chọi tốt. Bên cạnh nguồn lao động trẻ dồi dào với chi phí rẻ, Việt Nam có thêm cơ hội thu hút các dòng vốn rẻ khiến môi trường đầu tư trong nước, đặc biệt khối đầu tư kinh tế tư nhân vẫn giữ được sự tăng trưởng lớn.

Thị trường chứng khoán được hưởng lợi trong môi trường lãi suất thấp và chính sách nới lỏng tiền tệ của các ngân hàng trung ương trên thế giới, dòng tiền tiếp tục đổ về đầu tư vào các kênh tài sản tài chính. Chỉ số VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới, cao nhất ngày 26/11/2021 khi VN-Index chạm mốc 1.511,68 điểm. Tính đến ngày 31/12/2021, VN-Index đạt 1.498,28 điểm, tăng 35,74% so với cuối năm 2020. Vốn hóa thị trường đạt 7.729 nghìn tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122,8% GDP. Thanh khoản thị trường cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh, bình quân 26.560 tỷ đồng/phiên. Đặc biệt ngày 19/11/2021, ghi nhận mức thanh khoản lịch sử với gần 56.337 tỷ đồng trên toàn thị trường (xấp xỉ 2,5 tỷ USD), trong đó sàn HOSE đạt 44.473 tỷ đồng, HNX đạt 6.470 tỷ đồng, UPCOM đạt 5.065 tỷ đồng, đưa Việt Nam xếp thứ hai về thanh khoản trong thị trường chứng khoán tại Đông Nam Á. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ nói trên là từ sự gia tăng mạnh mẽ số lượng tài khoản nhà đầu tư mở mới, đạt 1,53 triệu tài khoản, tăng 56,07% so với năm 2020.

Thị trường trái phiếu tiếp tục phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, tạo điều kiện cho các công ty chứng khoán tư vấn được nhiều doanh nghiệp xây dựng kênh phát hành trái

phiếu qua các hình thức riêng lẻ và đại chúng, giúp nhà đầu tư tiếp cận được thông tin minh bạch và dễ giao dịch khiến cho hình thức đầu tư trái phiếu doanh nghiệp ngày càng được phổ biến rộng rãi hơn.

2. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BETA NĂM 2021:

Hòa mình theo sự phát triển của thị trường kinh tế Việt Nam, BETA cũng đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2021. Theo đó lợi nhuận của BETA là 45,04 tỷ đồng, đạt 143% so với kế hoạch đề ra 31,5 tỷ đồng và tăng 44,69% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu là 94,03 tỷ, đạt 203% so với kế hoạch để ra 46,35 tỷ đồng. Điều này đã phản ánh đúng sự khởi sắc trong hoạt động kinh doanh của BETA trong một năm mà thị trường chứng khoán Việt Nam được chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ.

Bảng 1: Tình hình tài chính của BETA trong năm 2021

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	407.769.276.915	454.866.281.286	11,5%
Doanh thu thuần	58.232.213.526	94.034.868.466	61,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.580.856.692	54.990.498.893	38,9%
Lợi nhuận khác	(119.962.619)	-	-100%
Lợi nhuận trước thuế	31.128.518.981	45.041.123.056	44,7%
- *Lợi nhuận đã thực hiện*	*7.237.420.532*	*6.800.601.041*	*-6%*
- *Lợi nhuận chưa thực hiện*	*23.891.098.449*	*38.240.522.015*	*60%*
Lợi nhuận sau thuế	31.128.518.981	45.041.123.056	44,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh tốt chủ yếu đến từ các hoạt động sau:

- Môi giới chứng khoán: Môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn từ các công ty chứng khoán nước ngoài và các công ty chứng khoán mới nổi dùng chính sách giá và hoa hồng để cạnh tranh, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động môi giới. Số tài khoản mở mới là 288 và đến cuối năm là 15.464 tài khoản. Doanh thu hoạt động môi giới năm 2021 là 3.181 triệu đồng.
- Lưu ký chứng khoán: Dịch vụ lưu ký chứng khoán được triển khai trên cở sở tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán và sự chuyên nghiệp của BETA. Trong năm 2021, BETA tiếp tục thực hiện dịch vụ lưu ký với đầy đủ sự chuẩn mực và cẩn trọng cho khách hàng. Doanh thu hoạt động lưu ký năm 2021 là 1.054 triệu đồng

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành: Là hoạt động quan trọng để xây dựng nên thương hiệu và hình ảnh của BETA, đồng thời cũng là hoạt động mang lại khách hàng tiềm năng cho hoạt động môi giới. Năm 2021, hoạt động này đạt doanh thu 2.126 triệu đồng
- Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): 8.538 triệu đồng
- Khoản tăng đánh giá tài sản tài chính (FVTPL): 67.127 triệu đồng
- Khoản đầu tư được nhận cổ tức: 2.518 triệu đồng

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022:

1. MỤC TIÊU:

BETA kiên định lập trường hướng tới sự phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam; nổi bật với các giá trị vượt trội cho nhà đầu tư, tạo nên thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động. BETA tiếp tục thận trọng trong các hoạt động đầu tư, lựa chọn danh mục chứng khoán cho vay, công bố thông tin minh bạch tạo niềm tin cho khách hàng và cổ đông, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên các giá trị cốt lõi là con người và công nghệ.

2. ĐỊNH HƯỚNG:

- **Về nhân sự:**

BETA tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân sự đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cùng với việc đầu tư nâng cao trình độ, BETA cũng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân viên, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

- **Về khách hàng:**

Cải tiến các sản phẩm hỗ trợ giao dịch, sản phẩm cho vay, phát triển các sản phẩm đầu tư phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng nhằm giúp khách hàng đạt mục tiêu đầu tư hiệu quả.

Không ngừng đầu tư nghiên cứu, cập nhật ứng dụng công nghệ nhằm mang đến những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác và trở thành sự lựa chọn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- **Về tài chính:**

Thúc đẩy hoạt động Ngân hàng đầu tư (IB): tập trung đẩy mạnh các nghiệp vụ mang lại doanh thu cao như tư vấn M&A, thu xếp vốn, phát hành trái phiếu… cũng như các nghiệp vụ tư vấn tài chính truyền thống như tư vấn thoái vốn, IPO, niêm yết,…

Tăng cường hoạt động cho vay margin: mở rộng danh mục ký quỹ, tăng dư nợ bình quân của hoạt động cho vay trên cơ sở các chính sách cho vay vừa linh hoạt và vừa cẩn trọng với mức lãi suất cạnh tranh.

Nâng cao hiệu quả kinh doanh hoạt động môi giới: phát triển đội ngũ môi giới nhằm tăng doanh thu, mở rộng mạng lưới khách hàng, tập trung phân khúc khách hàng mang lại biên lợi nhuận cao và còn dư địa phát triển.

- **Về kinh tế - xã hội:**

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, văn bản hướng dẫn của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của doanh nghiệp nhằm xây dựng và phát triển kinh tế xã hội.

Duy trì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt mức tăng trưởng ổn định để góp phần đóng góp nguồn thu cho ngân sách đất nước.

3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH DỰ KIẾN NĂM 2022:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
Doanh thu hoạt động	94.034.868.466	45.700.000.000
Chi phí hoạt động	39.044.369.573	32.800.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.041.123.056	12.900.000.000
Lợi nhuận đã thực hiện	*6.800.601.041*	*8.400.000.000*
Lợi nhuận chưa thực hiện	*38.240.522.015*	*4.500.000.000*

Kính thưa Quý cổ đông,

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Trân trọng báo cáo Đại hội./.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 67 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THANH BÌNH

***Nơi nhận*:**
- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban TGĐ;
- Lưu VT.

BETA SECURITIES INC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1605 /2022/BC-Ban kiểm soát-BETA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2022

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA**

Căn cứ:

- *Chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Beta;*
- *Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (BETA) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;*
- *Kết quả giám sát hoạt động điều hành và kiểm tra hoạt động kinh doanh của BETA năm 2021.*

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện công tác kiểm soát trong năm 2021 và định hướng hoạt động kiểm soát năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021:

1. Thành phần Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, thành phần Ban kiểm soát của BETA vẫn giữ nguyên 3 thành viên, gồm:

- Ông Nguyễn Văn Thiên — Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Trần Thanh Khiết — Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hải — Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát đều đáp ứng đủ tư cách, có năng lực và kinh nghiệm để thực thi nhiệm vụ của mình, nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho cổ đông công ty.

Các thành viên được phân công giám sát các hoạt động của Công ty theo từng lĩnh vực và phù hợp với chuyên môn của từng thành viên để có thể kiểm soát sát với thực tế hoạt động và phát huy hiệu quả công tác của Ban kiểm soát.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thực hiện giám sát theo nhiệm vụ đã phân công, nghiên cứu tài liệu và tham gia các cuộc họp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành.
- Đánh giá việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như việc chấp hành các quy định của Nhà nước.
- Kiểm tra hoạt động đầu tư vào các công ty.
- Xem xét đề xuất Đơn vị kiểm toán.
- Xem xét BCTC năm 2021.
- Kiểm tra hoạt động công bố thông tin.
- Tổng kết đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát.
- Phối hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Giám sát hoạt động Quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm của mình. Các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành được đưa ra nhanh chóng và phù hợp với tinh thần của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020.

Ban điều hành đã thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định đến Uỷ ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán.

Công tác giám sát kết hợp với kiểm tra, kiểm soát của giúp BETA thực hiện đầy đủ tính tuân thủ của hệ thống, chứng từ kế toán hợp lệ đảm bảo Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở đáng tin cậy, không có sai sót trọng yếu.

2. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Năm 2021, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các Phòng/Ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của đại diện Ban Kiểm soát, tài liệu họp và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và không để xảy ra bất kỳ xung đột nào trong quản trị cũng như công tác điều hành, giám sát. Duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa cho Công ty và các cổ đông.

3. Đối với việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn:

Trong năm 2021, BETA đã tuân thủ đầy đủ các chỉ số về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

4. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2021:

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính của BETA bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính được lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã phản ánh trung thực, đầy đủ các nội dung theo đúng quy định của Uỷ ban chứng khoán nhà nước, phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định tài chính kế toán hiện hành.

Ban Kiểm soát thống nhất kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Doanh thu hoạt động	94.034.868.466
2	Chi phí hoạt động	39.044.369.573
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.041.123.056
	Lợi nhuận đã thực hiện	*6.800.601.041*
	Lợi nhuận chưa thực hiện	*38.240.522.015*

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Trên cơ sở hoạt động năm 2021 và các quy định hiện hành của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA, Ban Kiểm soát xác định phương hướng kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

- Tiếp tục thực hiện giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về tính tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chủ động phòng ngừa, hạn chế và khắc phục các ảnh hưởng của dịch bệnh COVID - 19 đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban điều hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Xem xét sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty định kỳ và/hoặc đột xuất khi thấy cần thiết.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm của công ty đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực.
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các Phòng/Ban trong Công ty và các cổ đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình thực hiện năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022. Cảm ơn Đại hội đồng cổ đông đã tin tưởng và ủng hộ để Ban Kiểm soát làm tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ mà Quý cổ đông đã tin tưởng giao phó.

Kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

PHÓ TRƯỞNG BAN

TRẦN THANH KHIẾT

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: Ban kiểm soát.

BETA SECURITIES INC.

Số: 2605/2022/BC-HĐQT-BETA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BETA) và các quy định của pháp luật có liên quan, Hội đồng Quản trị (HĐQT) trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả công tác quản trị của HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

I. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020:

Trong năm 2021, BETA giữ nguyên sơ đồ tổ chức hoạt động, mở rộng quy mô và đội ngũ nhân sự của Công ty. Cơ cấu bộ máy và tổ chức hoạt động này đã có sự phối hợp nhịp nhàng trong một thời gian dài, giúp hệ thống quản trị và điều hành của BETA được tiến hành thuận lợi - từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh và đem lại lợi ích thiết thực nhất cho Công ty.

Thành phần HĐQT của BETA không thay đổi với các thành viên sau:

- Ông Nguyễn Văn Cựu – Chủ tịch HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Minh Quang – Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Huỳnh Văn Tốt – Thành viên HĐQT

HĐQT đã thực hiện theo đúng chức năng, vai trò được quy định tại Điều lệ của BETA cũng như nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ giao phó tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 tổ chức ngày 28/06/2021. Các thành viên HĐQT đã bám sát hoạt động của BETA và diễn biến của thị trường tài chính để đưa ra những quyết định nhanh chóng, phù hợp và thích ứng kịp thời với những biến động kinh tế trong nước và thế giới.

Việt Nam mặc dù chịu ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, nhưng vẫn là điểm sáng của kinh tế khu vực và thế giới khi đạt tăng trưởng năm 2021 ở mức 2,6%. Trong khi đó, hầu hết các nền kinh tế thế giới đều rơi vào suy thoái và đạt tăng trưởng âm.

HĐQT đã linh hoạt trong mọi hoạt động, đề ra nhiều giải pháp, quyết sách phù hợp nhằm đối phó với các diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 và thích ứng với tình trạng "bình thường mới" khi thị trường có phản ứng tích cực. Do đó, năm 2021 BETA đạt được kết quả kinh doanh rất khích lệ. Tại ngày 31/12/2021, BETA ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện được từ việc đánh giá lại các tài sản tài chính gần 38,24 tỷ đồng. Kết quả

này đưa lợi nhuận tại Báo cáo kết quả hoạt động của BETA lên đến 45,04 tỷ đồng, đạt 143% kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị của BETA – tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ của khu vực. Cụ thể:

- Đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các Cổ đông;
- Thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn. Đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư, đối tác và quyền lợi của người lao động. Từ đó, đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết của BETA; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của BETA và điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022:

Dù gặp nhiều khó khăn thách thức trong năm 2021 bởi làn sóng dịch COVID-19 do biến chủng Delta gây ra, Tuy nhiên, sang năm 2022, kinh tế Việt Nam sẽ trở lại trạng thái "bình thường mới" với triển vọng tăng trưởng tươi sáng và vững chắc hơn nhờ đạt tỷ lệ tiêm chủng cao. GDP của Việt Nam dự kiến sẽ tăng 6,0-7,0% so với cùng kỳ vào năm 2022, với tốc độ phục hồi cao trên mọi phương diện. Và thị trường chứng khoán Việt Nam cũng được kỳ vọng có những bước phát triển mạnh mẽ trong năm 2022 trên tất cả các khía cạnh như: giá trị giao dịch thị trường; sự hồi phục của dòng vốn nước ngoài; sản phẩm tài chính mới cũng như các nền tảng pháp lý có hiệu lực từ đầu năm tạo tiền đề cho nâng hạng thị trường. Tuy nhiên, năm 2022 cũng sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh mãnh liệt giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là từ nhóm công ty có vốn nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, các nhóm giải pháp cho từng mảng kinh doanh tại BETA được xác lập cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược trung – dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững: chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực và phát triển hệ thống. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động.

Tăng trưởng bền vững luôn là lựa chọn của BETA để có thể tồn tại và vững bước đồng hành cùng sự phát triển của thị trường. BETA không áp dụng các hình thức tăng trưởng nóng, mà chú trọng tới các giải pháp xây dựng và bảo vệ sự phát triển bền vững, giữ an toàn và hiệu quả cho nhà đầu tư.

Năm 2022, HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA. Theo đó:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông của Công ty;
- Lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban Kiểm soát. Đồng thời, tạo điều kiện tốt nhất cho các Ban Kiểm soát thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong điều hành hoạt động của BETA theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông;
- Tăng trưởng ổn định;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty;
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động;
- Phát triển đội ngũ, tìm kiếm và nuôi dưỡng tài năng trong đội ngũ;
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ;
- Tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước, với cộng đồng.

Năm 2022, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước các khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ duy trì một cách khả quan với GDP có thể tăng trưởng 6,0-7,0%. Thị trường Chứng khoán 2022 cũng được kì vọng sẽ tiếp tục vận động trong xu hướng tích cực và đón nhận lớp nhà đầu tư mới với sự tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng. Thách thức đặt ra cho BETA chính là sự cạnh tranh ngày một gay gắt của các công ty chứng khoán, đặc biệt là những CTCK nước ngoài trong những năm gần đây. Do đó, với mục tiêu là tăng trưởng bền vững, HĐQT sẽ luôn tập trung củng cố và duy trì các hoạt động này một cách vững chắc, hạn chế rủi ro và hiệu quả tài chính hơn nữa.Trải qua nhiều năm năm thăng trầm cùng thị trường chứng khoán, BETA sẽ tiếp tục với chiến lược phát triển bền vững, minh bạch làm phương châm hoạt động.

Chân thành cảm ơn các quý Khách hàng, các Đối tác đã và đang đồng hành cùng BETA. Cảm ơn Cổ đông đã tin tưởng Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo phê chuẩn các kế hoạch đưa ra tại Đại hội Đồng Cổ đông; cám ơn các thành viên Hội đồng Quản trị đã cùng xây dựng các chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hợp lý.

Cuối cùng, HĐQT đặc biệt cám ơn toàn thể Cán bộ, Nhân viên đã đồng cam cộng khổ, cùng xây dựng sự phát triển vững bền của BETA. Chúng tôi tin rằng, với sự đồng lòng, hợp tác và ủng hộ của Quý cổ đông, năm 2022 chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái những thành công vượt trội.

Trân trọng báo cáo Đại hội.

Kính chúc Quý vị sức khoẻ, hạnh phúc và thành công.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban TGĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

S.G.P: 67 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Cựu

BETA SECURITIES INC.

Số: 01/2022/TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

***Kính gửi*: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA;*
- *Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA đã kiểm toán.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ("Đại hội") **thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY** bao gồm:

- ✓ *Báo cáo của Hội đồng quản trị;*
- ✓ *Báo cáo kiểm toán độc lập;*
- ✓ *Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;*
- ✓ *Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;*
- ✓ *Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2021;*
- ✓ *Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021.*

Kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, Ban TGĐ;*
- *Lưu HĐQT, HCNS.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Nguyễn Văn Cựu

BETA SECURITIES INC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oOo---

Số: 02/2022/TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chứng khoán BETA

Căn cứ kết quả kinh doanh của Công ty CP Chứng khoán BETA, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2021 như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021 là: 45.041.123.056 đồng
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và Trích lập các quỹ như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	6.800.601.041
2	Trích lập các quỹ	1.360.120.208
2.1	*Quỹ khen thưởng (2% LNST)*	*136.012.021*
2.2	*Quỹ phúc lợi (3% LNST)*	*204.018.031*
2.3	*Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)*	*680.060.104*
2.4	*Quỹ dự trữ bổ sung VĐL (5% LNST)*	*340.030.052*
3	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ	5.440.480.833
4	Tỷ lệ chia cổ tức	-

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

NGUYỄN VĂN CỰU

BETA SECURITIES INC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05 /2022/TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty trong năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Căn cứ:

- *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA.*

Trong bối cách công ty chứng khoán liên tục tăng vốn điều lệ để tăng năng lực cạnh tranh, tiếp tục thực hiện mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững trong các năm tới, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty trong năm 2022 với nội dung sau:

I. Mục đích phát hành

- Nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tạo điều kiện để nâng cao năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh, tạo cơ sở bứt phá phát bền vững, an toàn hiệu quả.
- Giúp Công ty có đủ nguồn lực để đầu tư và cung cấp các sản phẩm tài chính chuyên biệt đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng, từ đó giúp nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút thêm khách hàng mới, mở rộng thị phần.

II. Nội dung Phương án

1. Thông tin chung về phương án phát hành:

- Vốn điều lệ hiện tại: 400.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng)*
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 120.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng)*
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán thành công: 520.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm hai mươi tỷ đồng)*
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 12.000.000 cổ phần *(Bằng chữ: Mười hai triệu cổ phần)*

Đối tượng và hình thức phát hành	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành (ĐVT: cổ phần)	Giá trị phát hành theo mệnh giá (ĐVT: VNĐ)
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	10.000.000	100.000.000.000
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	2.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	**12.000.000**	**120.000.000.000**

2. Thông tin về đợt phát hành dự kiến trong năm

2.1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

1.	Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA
2.	Loại cổ phiếu	: Cổ phần phổ thông
3.	Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
4.	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành	: 10.000.000 cổ phần (*Bằng chữ: Mười triệu cổ phần*)
5.	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)
6.	Tỷ lệ thực hiện	: 4:1 *(Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 04 quyền được mua 01 cổ phần mới)*
7.	Nguyên tắc làm tròn	: Số cổ phần mỗi cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phần được quyền mua nhỏ hơn 01 đơn vị sẽ không được thực hiện. Tổng số cổ phiếu lẻ phát sinh được gộp sổ và giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn, phân phối cho các nhà đầu tư khác. Ví dụ: - *Vào ngày chốt, cổ đông A đang sở hữu 857 cổ phiếu, sẽ được hưởng 857 quyền mua.* - *Theo tỷ lệ thực hiện trên, cổ đông A sẽ có quyền được mua thêm số cổ phiếu là: 214,25 cổ phiếu.* - *Áp dụng theo nguyên tắc làm tròn này, cổ đông A được mua 214 cổ phần mới và Phần lẻ 0,25 sẽ được gộp sổ và sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các nhà đầu tư khác*
8.	Giá phát hành	: Không thấp hơn mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Mức giá cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định
9.	Đối tượng phát hành	: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt theo thông báo của Hội đồng quản trị được hưởng quyền mua cổ phần theo quy định
10.	Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu mới phát hành không bị hạn chế chuyển nhượng
11.	Chuyển nhượng quyền mua	: Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 lần cho một hoặc nhiều người có nhu cầu trong thời gian quy định *(người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba)*
12.	Phương án xử lý đối với số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, thực hiện không hết quyền mua và số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh	:+ Đối tượng và phương thức phân phối: Giao cho Hội đồng Quản trị lựa chọn và quyết định việc phân phối cho các nhà đầu tư khác đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật. + Giá phát hành: Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không thấp hơn giá phát hành cho Cổ đông hiện hữu. + Trường hợp sau khi phát hành cho nhà đầu tư khác mà vẫn không phát hành hết thì thực hiện tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu thực tế phát hành.

	+ Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu mới phát hành cho nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.
13. Thời gian phát hành dự kiến	:Trong năm 2022 và ngay sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2.2. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ

1. Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta
2. Loại cổ phiếu	: Cổ phần phổ thông
3. Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
4. Hình thức phát hành	: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
5. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành	: 2.000.000 cổ phần
6. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
7. Giá phát hành	: Không thấp hơn mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Mức giá cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định
8. Đối tượng phát hành	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn nhà đầu tư mua cổ phần chào bán riêng lẻ với số lượng tối đa là 30 nhà đầu tư
9. Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu mới phát hành bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.
10. Chuyển nhượng quyền mua	: Nhà đầu tư không được phép chuyển nhượng quyền mua cho người khác.
11. Phương án xử lý đối với số cổ phiếu do nhà đầu tư không mua hết	Trong trường hợp nhà đầu tư không thực hiện quyền mua, thực hiện quyền mua không hết thì Hội đồng Quản trị sẽ được quyền phân phối số cổ phiếu còn lại này cho các cá nhân/tổ chức khác với cùng mức giá bán cho nhà đầu tư theo danh sách ban đầu
12. Thời gian phát hành dự kiến:	Trong năm 2022 và ngay sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
13. Từ chối quyền ưu tiên mua cổ phần của cổ đông hiện hữu	Đại hội đồng cổ đông đồng ý và xác nhận việc các cổ đông hiện hữu của Công ty sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua đối với số cổ phần mới phát hành chào bán riêng lẻ đợt này.

3. Phương án sử dụng vốn

Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với mục đích bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cho vay giao dịch ký quỹ, năng lực đầu tư. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu này dự kiến sử dụng bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động này. Trong thời gian chưa sử dụng, nguồn tiền sẽ được sử dụng để đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc các hình thức đầu tư khác để đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

III. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Quyết định thời điểm cụ thể triển khai phương án chào bán;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi Phương án chào bán khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu

cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt chào bán được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty. Giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục liên quan đến phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có);

- Quyết định phương án và thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa chào bán hết (nếu có);
- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả chào bán;
- Triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế chào bán sau khi hoàn thành đợt chào bán;
- Thực hiện các thủ tục liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, (các) Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán cổ phiếu;
- Cân đối và sử dụng linh hoạt số tiền thu được từ đợt chào bán sao cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của các cổ đông;
- Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể phù hợp với quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

NGUYỄN VĂN CỰU

Nơi nhận
- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- HCNS.

BETA SECURITIES INC.

Số: .04.../2022/TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc Sửa đổi Điều lệ Công ty và bổ sung các Quy chế

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Căn cứ:

- *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;*
- *Các quy định pháp luật khác có liên quan;*
- *Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA năm 2016.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát với nội dung như sau:

1. Lý do sửa đổi Điều lệ và bổ sung Quy chế:

Hiện tại, Công ty đang có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu để trở thành công ty đại chúng và thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM trong năm 2022. Theo quy định tại Điều 270, Điều 278, Điều 288 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, công ty đại chúng cần phải sửa đổi Điều lệ phù hợp theo các quy định của Công ty đại chúng, đồng thời bổ sung Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng quy định.

2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung:

Các nội dung sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC. Nội dung chi tiết nêu tại các bản dự thảo Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm tờ trình này.

3. Hiệu lực thi hành:

Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát có hiệu lực kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/06/2022.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *HĐQT Công ty;*
- *HCNS.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

S.G.P: 67 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN CỰU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007
Trụ sở: Tầng 4-5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.bsi.com.vn

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA ký ngày 20/06/2022)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 06/2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 6
QUY ĐỊNH CHUNG 6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 6
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty 7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 8
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh 9
Điều 5. Mục tiêu hoạt động 9
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động 9
CHƯƠNG II 11
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 11
MỤC 1. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 11
Điều 7. Vốn Điều lệ 11
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu 12
Điều 9. Phát hành chứng quyền có bảo đảm 12
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác 13
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần 13
Điều 12. Thu hồi cổ phần 13
MỤC 2. CỔ ĐÔNG 14
Điều 13. Quyền của cổ đông 14
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông 16
CHƯƠNG III 16
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY 16
Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 16
MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 17
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 19. Thay đổi các quyền 20
Điều 20. Triệu tập họp, chương trình và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 21. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 23

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....25
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....26
Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....28
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....29
MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....29
Điều 27. Ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....29
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....30
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....30
Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....32
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....33
Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp.....33
Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....35
Điều 34. Ban Kiểm toán nội bộ của Hội đồng quản trị.....35
Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty.....36
Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý.....37
Điều 37. Người điều hành Công ty.....37
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....38
Điều 39. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc.....39
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....40
Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát.....40
Điều 42. Trưởng Ban Kiểm soát.....40
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....41
Điều 44. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....42
Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 42
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....43
Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....44
CHƯƠNG V.....44
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....44
Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....44
CHƯƠNG VI.....45
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....45
Điều 49. Công nhân viên và công đoàn.....45

CHƯƠNG VII 45
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 45
Điều 50. Phân phối lợi nhuận 45
CHƯƠNG VIII 46
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 46
Điều 51. Tài khoản ngân hàng 46
Điều 52. Năm tài chính 47
Điều 53. Chế độ kế toán 47
CHƯƠNG IX 47
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 47
Điều 54. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 47
Điều 55. Báo cáo thường niên 47
CHƯƠNG X 48
KIỂM TOÁN CÔNG TY 48
Điều 56. Kiểm toán 48
CHƯƠNG X 48
DẤU CỦA CÔNG TY 48
Điều 57. Dấu của Công ty 48
CHƯƠNG XI 48
TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, GIẢI THỂ, GIA HẠN HOẠT ĐỘNG, PHÁ SẢN, THANH LÝ 48
Điều 58. Tổ chức lại công ty 48
Điều 59. Giải thể 48
Điều 60. Gia hạn hoạt động 49
Điều 61. Phá sản 49
Điều 62. Thanh lý 49
CHƯƠNG XII 50
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 50
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ 50
CHƯƠNG XIII 50
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 50
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 50
CHƯƠNG XIV 51
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ 51
Điều 65. Hiệu lực của Điều lệ 51

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Nghị quyết số 2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA và Biên bản họp số 2006/2022/BB-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA tại ngày 20/06/2022.*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. *Công ty"* là Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA;
   b. *"Vốn Điều lệ"* là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
   c. *"Vốn có quyền biểu quyết"* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   d. *"Luật Chứng khoán"* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
   e. *"Luật Doanh nghiệp"* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
   f. *"Người điều hành công ty"* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g. *"Người quản lý công ty"* bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc), kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;

h. *"Người có liên quan"* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;

i. *"Việt Nam"* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

j. *"UBCK"* là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

k. *"Ngày thành lập"* có nghĩa là ngày mà Công ty được UBCK cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;

l. *"Cổ đông"* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

m. *"Cổ đông sáng lập"* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

n. *"Cổ đông lớn"* là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, Điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu theo các quy định pháp luật liên quan.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
   a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
   b. Tên tiếng Anh: BETA SECURITIES INCORPORATION
   c. Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
   d. Tên viết tắt: BSI
2. Hình thức pháp lý của Công ty:
   Công ty là công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở Công ty:
   a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4&5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
   b. Điện thoại: 08.3914 2929

Fax: 08.3914 3435

c. Địa chỉ website: www.bsi.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

a. Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép;

b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;

d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 61 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

a. Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc

b. Quyền của người đại diện theo pháp luật: theo quy định tại Điều lệ này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

c. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: theo quy định tại Điều lệ này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người

được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
   a. Môi giới chứng khoán;
   b. Tự doanh chứng khoán;
   c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
   d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài Khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hóa lợi nhuận trên mỗi cổ phần của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh bền vững.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành:
   a. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản trị về Công ty;
   b. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
   c. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên;

d. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
e. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ:
   a. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
   b. Công ty và nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định tại điều 19 Thông tư số 121/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán hoặc các quy định thay thế, bổ sung;
   c. Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty;
   d. Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
   e. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
      - Quyết định đầu tư thay cho khách hàng;
      - Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
      - Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn những công ty chứng khoán khác;
      - Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để mời gọi khách hàng mua một loại chứng khoán nào đó;
      - Cung cấp thông tin sai lệch, gây hiểu lầm cho khách hàng;
      - Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
   f. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
   g. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin;
   h. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

i. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật;

j. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.

k. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính.

l. Thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

m. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

MỤC 1. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn Điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty là **400.000.000.000 VNĐ**

   Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng.

   Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 40.000.000 *(Bốn mươi triệu)* cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng /cổ phần

2. Các loại cổ phần của Công ty:
   a. Cổ phần phổ thông: 40.000.000 cổ phần;
   b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: 0 cổ phần;
   c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
   d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần;
   e. Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần.

   Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối

số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
   a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Phát hành chứng quyền có bảo đảm

1. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.
2. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi

chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp,...

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác; cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến

ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

MỤC 2. CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
   d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
   e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
   f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
   h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
   i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
   j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
   k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
   a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
   b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
   c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
   d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
   e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
   a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
   b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy định của pháp luật
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tự lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
   d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
   f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
   g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
   h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
   i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
   j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền hết hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên sau giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc sau khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu

đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết
ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
   d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
   e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường

hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
   a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
   b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
   d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp,
   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
   c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
   a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 3 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
   f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời:
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có

quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   g. Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

   Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b. Trình độ chuyên môn;
   c. Quá trình công tác;
   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
   f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
   g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

   Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban

hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b. Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

   Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 34. Ban Kiểm toán nội bộ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau

   a. Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của công ty chứng khoán, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của công ty chứng khoán; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;

b. Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình;

Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;

c. Tính trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;

d. Bảo mật: nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty.

2. Nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Người làm việc bộ phận này không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b. Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

MỤC 3. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục

riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện:

a. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
b. Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
c. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
d. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
e. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty;
g. Tuyển dụng lao động;
h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 39. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:
   a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
   b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
   c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
   d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
   e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
   f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
   g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
   h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
   a. Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
   b. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
   c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;
   d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
   e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty chứng khoán.

MỤC 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
   a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
   d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động

kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát của Công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
   a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
   b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
   c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ -CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 44. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG IV
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
   b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều

hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG V

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
   a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG VI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 49. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 50. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 53. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG IX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 54. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy dủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 55. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 56. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG X

DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 57. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI

TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, GIẢI THỂ, GIA HẠN HOẠT ĐỘNG, PHÁ SẢN, THANH LÝ

Điều 58. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được UBCK chấp thuận.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 59. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
   a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty trước thời hạn và được UBCK chấp thuận;
c. UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 60. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 61. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Điều 62. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
c. Nợ thuế;
d. Các khoản nợ khác của Công ty;
e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
   a. Cổ đông với Công ty;
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu 30 ngày chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIII

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của

pháp luật khác với những Điều Khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và Điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIV

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 65. Hiệu lực của Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm **14 Chương, 65 Điều**, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA nhất trí thông qua ngày 20 tháng 06 năm 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành 02 bản chính, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người đại diện theo pháp luật, hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2022, thay thế toàn bộ cho Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán BETA đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua vào ngày 20/06/2022.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

S.G.P: 67 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN CỰU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007
Trụ sở: Tầng 4-5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.bsi.com.vn

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA ký ngày 20/06/2022)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 06/2022

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 1
Điều 3. Hội đồng quản trị 5
Điều 4. Ban Kiểm soát 7
Điều 5. Tổng Giám đốc 8
Điều 6. Các hoạt động khác 9
Điều 7. Hiệu lực thi hành 15

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 20 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA*
- *Nghị quyết số 2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA và Biên bản họp số 2006/2022/BB-ĐHĐCĐ-BETA của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA tại ngày 20/06/2022*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 13, 14 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty;

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được Công ty công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông và kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 4, 5, 6 Điều 20 Điều lệ Công ty;

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 18 Điều lệ Công ty;

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty;

h) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty;

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gồm (i) Biểu quyết tại cuộc họp theo một trong các phương thức sau cuộc họp trực tiếp, hội nghị trực tuyến, hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến; (ii) Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

k) Cách thức bỏ phiếu được quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông và sẽ được thông qua trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định;

l) Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Đối với các vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện thu thập và kiểm phiếu;

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty;

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Nếu biểu quyết bằng thẻ biểu quyết thì tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Nếu biểu quyết bằng phiếu biểu quyết thì sau khi kiểm phiếu, ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kết quả kiểm phiếu để công bố trước đại hội;

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều 26 Điều lệ Công ty;

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty;

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty;

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty;

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định rõ tại Thông báo mời họp cổ đông gồm:

b1. Điều kiện tham gia: Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hồi đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty và đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b2. Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet…)

b3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

b4. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ

có Cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

- Khi Cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu.
- Cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

d) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty;

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là bỏ phiếu điện tử;

e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

e1.Cách thức bỏ phiếu biểu quyết: Cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành, hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

e2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: Cổ đông thực hiện biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thông qua hình thức bầu dồi phiếu và hướng dẫn tại Quy chế bầu cử trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Sau đó cổ đông tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Khi cổ đông thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố trước đại hội;

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty;

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty;

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty và/hoặc mục b khoản 4 Điều 2 của Quy chế này;

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty;

d) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty;

đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại cuộc họp và bỏ phiếu điện tử.

e) Cách thức bỏ phiếu được quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông và sẽ được thông qua trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định;

g) Cách thức kiểm phiếu theo quy định khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố trước đại hội;

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty;

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị) được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và Điều 3, Điều 4 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 5 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Khoản 1, 2 Điều 28 Điều lệ Công ty;

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 6 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty;

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Sau khi có quyết định bầu, miền nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

h1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

h2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiêm

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 18 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường;

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty;

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định) theo quy định tại Khoản 6 Điều 32 Điều lệ Công ty;

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết;

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 8 Điều 32 Điều lệ Công ty;

e) Cách thức biểu quyết: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết và thực hiện biểu quyết theo quy định tại Khoản 9, 10 Điều 15 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 12 Điều 15 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 11 Điều 32 Điều lệ Công ty;

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp;

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này vẫn có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của hiện hành.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Điều lệ Công ty;

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty;

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: (i) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động; (ii) Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành;

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty và Điều 3 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 1 Điều 41 Điều lệ Công ty và Điều 4 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 5 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 7 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Điều 40 Điều lệ Công ty;

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành;

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 17 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty;

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại Khoản 4 Điều 38 Điều lệ Công ty

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 38 Điều lệ Công ty và trình lên Hội đồng quản trị xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc;

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty;

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 6 Điều 38 Điều lệ Công ty;

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Sau khi có quyết định miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc,

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành;

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy chế này;

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát: Nghị quyết/Quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc: Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

d1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị:

- Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

  + Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

  + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

  + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 43 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

+ Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty không được thực thi;

+ Khi phát hành hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

đ2. Những vấn đề Tổng Giám đốc cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- Lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỹ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

- Lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất và quy định pháp luật hiện hành.

- Xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với Bản Báo cáo tài chính kiểm toán cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua;

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

- Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

- Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

- Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao đông (nếu có);

- Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;

- Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc: Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Giám đốc.

g) Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g1. Các nội dung báo cáo nêu tại Điểm đ Khoản 1 Điều 6 Quy chế này;

g2. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

g3. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

g4. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty, người đại điện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

g6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:

- Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành gửi đến các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh

của Công ty theo yêu cầu của kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát trừ những thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của Công ty.

- Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

h1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị:

Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

-Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

-Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

- Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc;

- Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

h2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

- Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

- Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

- Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

h3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

- Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

- Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

- Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

- Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

- Các nội dung khác cần xin ý kiến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi Hội đồng quản trị.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

2.1. Đánh giá hàng năm

a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

b. Các tiêu chuẩn đánh giá phải hài hòa lợi ích giữa người điều hành với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các tiêu chí phi tài chính có thể được đề cập như quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được,...;

c. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị;

d. Việc đánh giá hoạt động của các kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;

e. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

2.2. Khen thưởng

a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động nêu tại Khoản 2.1 Điều này.

b. Các hình thức khen thưởng: Bằng tiền, cổ phiếu hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Chế độ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

d. Đối với người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

S.G.P: 67 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN CỰU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007
Trụ sở: Tầng 4-5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.bsi.com.vn

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA ký ngày 20/06/2022)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 06/2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 2
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 7
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. 10
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 12
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 14
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 15
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 16
Điều 23. Hiệu lực thi hành 16

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---	---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Chứng khoán BETA;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA ngày 20 tháng 06 năm 2022;*
- *Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA;*
- *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA bao gồm các nội dung sau:*
-

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
   a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
   b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
   c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
   d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
   e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có ít nhất 03 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
   b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
   c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
   d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
   b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm

giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
   b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công tyvà hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các

thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. . Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường

hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian, địa điểm họp;
c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGUYỄN VĂN CỰU

BETA SECURITIES INC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007

Trụ sở: Tầng 4-5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.bsi.com.vn

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số số 2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA ký ngày 20/06/2022)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 06/2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát 1
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN) 2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát 2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 5
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT 5
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát 5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 8
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT 9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát 9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát 9
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH 9
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm 9
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác 10
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan 11
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT 11
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát 11
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành 12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị 12
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 12
Điều 22. Hiệu lực thi hành 12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
---	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số2006/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BETA ngày 20 tháng 06 năm 2022

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp..

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm

soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2022

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

TRẦN THANH KHIẾT

BETA SECURITIES INC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2022

Số: 05 /2022/TTr-ĐHĐCĐ

TỜ TRÌNH

V/v Đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Căn cứ:

- *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chứng khoán;*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán khi Công ty đáp ứng đủ điều kiện đối với công ty đại chúng.
2. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo đúng quy định.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

NGUYỄN VĂN CỰU

Nơi nhận
- *Như trên;*
- *HĐQT Công ty;*
- *HCNS.*

BETA SECURITIES INC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06./2022/TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định công việc thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông

***Kính gửi*: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chứng khoán BETA**

Nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong hoạt động quản trị, điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị; đồng thời để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh cũng như để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thời gian giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được quyết định các nội dung sau:

1. Quyết định thực hiện và thông qua hợp đồng mua, bán, vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
2. Quyết định về mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS trên cơ sở kết quả kinh doanh Công ty.
3. Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.
4. Xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022 phù hợp với tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Trong phạm vi được ủy quyền, HĐQT được HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể phù hợp với quy định của pháp luật

Kính mong Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt nội dung trên.

Trân trọng kính trình.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

NGUYỄN VĂN CỰU